

Bản án số: 53/2021/DS-PT

Ngày: 03-6-2021.

“V/v : Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2021, về việc *“Tranh chấp hợp đồng góp hui”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS-ST ngày 30-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1971 (có mặt). Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị đơn:

1. Bà B, sinh năm 1950 (có mặt).

2. Ông C (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 6 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà A trình bày:

Bà B và ông C có tham chơi hụi do bà A làm chủ hụi. Bà B và ông C là hụi viên tham gia 02 dây hụi gồm:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, mở vào ngày 30/7/2016, mỗi tháng khai một lần vào ngày 30 hàng tháng, dây hụi gồm có 20 chung (phần), bà B và ông C tham gia 01 chung hụi, bà B và ông C đã hốt hụi lần đầu ra lời số tiền là 500.000 đồng, hốt được số tiền là 27.500.000 đồng (đã trừ tiền công 1.000.000 đồng), đã đóng lại được 07 lần hụi chết, nên còn nợ 12 lần chưa đóng với số tiền là 24.000.000 đồng, số tiền này bà A phải xuất tiền ra để đóng cho hụi viên khác. Sau đó vợ chồng bà B, ông C hốt 03 chung hụi ngày và đóng lại hụi chết của chung hụi tháng được 3.500.000 đồng nên còn nợ lại 20.500.000 đồng. Dây hụi đã mãn hụi vào tháng 02/2018.

- Dây hụi ngày 50.000 đồng mở vào ngày 08/4/2019, gồm có 76 chung, bà B, ông C tham gia 03 chung hụi. Dây hụi này bà B, ông C đã hốt hết 03 chung hụi vào các ngày 14; 15; 16/4/2019 với số tiền hốt được là 10.197.000 đồng. Bà B, ông C đã đóng lại hụi chết được đến lần thứ 11 thì ngưng, nên bà B, ông C còn nợ 65 lần hụi chết chưa đóng với số tiền 9.750.000 đồng. Dây hụi mãn vào tháng 7/2019.

Nay bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện X giải quyết buộc vợ chồng bà B và ông C cùng có trách nhiệm phải thanh toán cho bà A số tiền nợ hụi là 30.250.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, vào ngày 16/12/2020, bà A xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà A chỉ yêu cầu bà B thanh toán nợ cho bà. Đồng thời, bà A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bà B nợ do bà B đã có thanh toán được 03 lần trả tiền góp phần nợ hụi tháng là 1.500.000 đồng, nên tiền hụi tháng bà B còn nợ là 19.000.000 đồng và trả được 02 lần tiền hụi ngày vào là 300.000 đồng nên số tiền hụi ngày bà B còn nợ là 9.450.000 đồng. Bà A yêu cầu bà B trả tổng số tiền chưa đóng hụi là 28.450.000 đồng._____

- Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên Tòa sơ thẩm bị đơn bà B trình bày:

Đối với hụi tháng, bà B thừa nhận có tham gia chơi 01 chung hụi do bà A làm chủ, nhưng mức hụi là 1.500.000 đồng, dây hụi này gồm 25 chung, dây hụi bắt đầu vào ngày 10/02/2017. Bà B hốt đầu, ra lời 400.000 đồng, hốt được số tiền là 27.500.000 đồng. Do bà B thiếu nợ vay và nợ tiền hốt hụi chưa trả cho bà A là 41.000.000 đồng, cho nên khi bà B hốt chung hụi này được số tiền là 27.500.000 đồng thì bà A trừ qua, nên bà B còn thiếu bà A số tiền 13.500.000 đồng. Tiếp tục bà B trả góp số nợ trên cho bà A được 40 ngày mỗi ngày 50.000 đồng số tiền trả góp được 2.000.000 đồng, sau đó bà B tiếp tục trả thêm cho bà A được 3 lần nữa mỗi lần 500.000 đồng (trả vào các ngày 13/4; 28/5 và ngày 4/8). Như vậy số tiền trên bà B còn nợ bà A 10.000.000 đồng tiền vay, số tiền này bà B tiếp tục đóng lãi cho bà A được 03 tháng mỗi tháng 300.000 đồng nhưng đóng tháng nào bà B không nhớ.

Đối với hội ngày thì bà B thừa nhận có tham gia chơi hội của bà A là 02 chung hội. Dây hội ngày khoảng 60 chung với mỗi chung là 50.000 đồng/ngày. Hai chung hội này bà B đã hốt nhưng không nhớ ngày tháng hốt hội và hốt được bao nhiêu tiền thì bà B cũng không nhớ. Bà B cho rằng số tiền hốt hội ngày bà không trả nổi nên bà A nhập số tiền hội ngày này vào số tiền vay trước đó nên số tiền vay lên 41.000.000 đồng. Còn đối với việc bà A cho rằng vào năm 2016 bà có tham gia chung hội tháng có mức hội 2.000.000 đồng do bà A làm chủ là không có. Do đó, bà B chỉ thừa nhận còn nợ bà A số tiền vay là 10.000.000 đồng.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm 43/2020/DS-ST ngày 30-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 471, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 20, 25, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 và các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A đối với bị đơn bà B.

Buộc bà B trách nhiệm thanh toán cho bà A số tiền nợ hội là 28.450.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc không yêu cầu ông C cùng với bà B cùng có trách nhiệm thanh toán nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B được miễn nộp án phí.

Bà A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 756.250 đồng theo (bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm chục đồng) theo biên lai số 0005436 ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14-01-2021, bị đơn bà B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại phần tiền nợ hui vì bà chỉ còn nợ lại bà A tiền hui là 10.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn bà B giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà B làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng, bị đơn B tham gia hai dây hui do nguyên đơn làm chủ, trong đó dây hui tháng, mức hui 2.000.000 đồng, mở ngày 30-7-2016, có 20 chung, bị đơn tham gia một chung đã hót lần đầu với số tiền là 27.500.000đồng (sau khi trừ đầu thảo), sau khi hót thì bị đơn B đóng hui chết được 07 lần, còn 12 lần chưa đóng với số tiền là 24.000.000 đồng, nhưng sau đó bị đơn trả được 5.000.000đồng (trả một lần 2.000.000đồng; một lần 1.500.000đồng và 03 lần góp mỗi lần 500.000 đồng), nên dây hui này còn thiếu là 19.000.000 đồng. Đối với dây hui ngày 50.000 đồng mở vào ngày 08/4/2019, gồm có 76 chung, bà B tham gia 03 chung, đã hót hết 03 chung hui vào các ngày 14; 15; 16/4/2019 với số tiền hót được là 10.197.000 đồng, bà B đã đóng lại hui chết được đến lần thứ 11 thì ngưng, nên dây hui này còn nợ số tiền là 9.750.000 đồng. Nên tổng cộng bà B còn nợ lại số tiền chưa đóng hui là 28.450.000 đồng._____

[2.2] Bị đơn bà B cho rằng, bị đơn không có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng như bà A trình bày, mà chỉ tham gia dây hụi 1.500.000 đồng, hụi này có 25 chung, khai lần đầu vào ngày 10-02-2017, bị đơn bỏ lời 400.000 đồng hốt hụi lần đầu với số tiền 27.500.000 đồng. Do bị đơn thiếu nợ vay và nợ tiền hốt hụi chưa trả cho bà A là 41.000.000 đồng, nên khi hốt chung hụi này được số tiền là 27.500.000 đồng thì bà A trừ qua, nên bà B còn thiếu bà A số tiền 13.500.000 đồng. Tiếp tục bà B trả góp số nợ trên cho bà A được 40 ngày mỗi ngày 50.000 đồng số tiền trả góp được 2.000.000 đồng, sau đó bà B tiếp tục trả thêm cho bà A được 3 lần nữa mỗi lần 500.000 đồng (trả vào các ngày 13/4; 28/5 và ngày 4/8). Như vậy số tiền bà B còn nợ bà A là 10.000.000 đồng.

[2.3] Qua lời trình bày nêu trên của các bên đương sự và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy:

- Đối với dây hụi tháng: tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30-12-2020 thì bị đơn bà B thừa nhận vào ngày 30/7/2016 bà B có tham gia dây hụi tháng 2.000.000 đồng do bà A làm chủ, bị đơn là người hốt hụi đầu với số tiền là 27.500.000 đồng (bút lục số 120), cụ thể, Kiểm sát viên hỏi bà B: “Bà xác định lại bà có chơi hụi tháng, dây hụi 2.000.000 đồng vào năm 2016 không?”, thì bà B trả lời: “Có,...tôi hốt đầu...”; Kiểm sát viên hỏi “...Chung hụi năm 2016 bà hốt được bao nhiêu?”, bà B trả lời: “...Tôi bỏ ra 500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng...”, như vậy lời trình bày này của bà B phù hợp với lời trình bày của bà A. Mặc khác, bà A có cung cấp chứng cứ là 01 USB có ghi âm, ghi hình cuộc nói chuyện giữa bà A và bà B, cuộc ghi âm, ghi hình vào lúc 16 giờ 50 phút ngày 20/5/2019 trong đoạn ghi âm thể hiện nội dung là bà B thừa nhận còn nợ bà A 20.500.000 đồng, (USB trích từ Camera nhà của bà A). Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại tòa phúc thẩm bà B có xem lại hình ảnh và nghe cuộc nói chuyện trong USB do bà A cung cấp, bà B thừa nhận hình ảnh và giọng nói trong USB là hình ảnh và giọng nói đó là của bà, bà có nói bà còn nợ bà A 20.500.000 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của bà B tại phiên tòa sơ thẩm như đã nêu trên và lời thừa nhận về giọng nói, hình ảnh, lời thừa nhận nợ của bà B trong đoạn ghi âm, nên có cơ sở xác định bà Diệp có tham gia một phần hụi tháng với mức hụi là 2.000.000đồng, mở ngày 30/7/2016. Sau khi hốt phần hụi này bà B có đóng lại 07 lần và trả được 5.000.000đồng (trả một lần 2.000.000đồng; một lần 1.500.000đồng và 03 lần góp mỗi lần 500.000 đồng), còn nợ lại bà A số tiền là 19.000.000đồng.

- Đối với dây hụi ngày: Tuy bà B không thừa nhận có tham gia chơi hụi ngày, nhưng tại đơn đề nghị của bà B gửi cho Tòa án có nội dung: “Đến năm 2019 tôi lên hụi ngày 1 ngày 50.000đồng, ngày 13-4-2019 tôi lên chân hụi ngày và hốt gửi trả thêm tiền cũ 500.000; sau khi đóng mãn tôi lên chân tiếp theo ngày 24-8-2019 và hốt gửi thêm 500.000 tiền nợ cũ; ngày 28-5-2019 hốt gửi thêm 500.000” (bút lục số 33).

Nhận thấy đơn đề nghị của bà B có nội dung như đã nêu trên phù hợp với tờ giấy ghi hụi do bà B cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm và đương nguyên đơn thừa nhận chữ viết là của nguyên đơn, giấy ghi hụi có nội dung: “13 tháng 4-

500.000; 28 tháng 5 – 500.000 và 4 tháng 8 -500.000”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, bà B có tham gia chơi dây hụi ngày có mức hụi 50.000 đồng khui ngày 08/4/2019 do bà A làm chủ. Sau khi cần trừ thì bà B còn thiếu bà A số tiền hụi ngày là 9.450.000 đồng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền nợ hụi là 28.450.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 20, 25, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn nợ tiền hụi và tiền vay là 41.000.000 đồng, sau đó không có tiền trả nên ngày 30-3-2017 có tham gia dây dọi tháng 1.500.000đồng, sau đó hốt được 27.500.000đồng và đã trả nhiều lần chỉ còn nợ 10.000.000 đồng là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà B.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bà B là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có yêu cầu xin miễn án phí, căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, nên bà B được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST, ngày 30-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 471, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 20, 25, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 và các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ –CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A đối với bị đơn bà B.

Buộc bà B trách nhiệm thanh toán cho bà A số tiền nợ hụi là 28.450.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc không yêu cầu ông C cùng với bà B cùng có trách nhiệm thanh toán nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B được miễn nộp án phí.

Bà A được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 756.250 đồng theo (bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm chục đồng) theo biên lai số 0005436 ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà B không phải chịu, bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009184, ngày 28-01-2021 tại Chi cục Thi hành án dân huyện X.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện X;
- Chi cục THA huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương

